

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH LỚP MẪU GIÁO 3- 4 TUỔI
NĂM HỌC: 2024- 2025**

STT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
1. Phát triển vận động			
1	- Trẻ có khả năng thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	1.1. Hô hấp: Hít vào, thở ra. 1.2. Tay: - Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. - Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. 1.3. Lung, bụng, lườn: - Cúi về phía trước. - Quay sang trái, sang phải. - Nghiêng người sang trái, sang phải 1.4. Chân: - Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm, đứng lên; bật tại chỗ. - Co duỗi chân.	1->9.
2	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m. - Bật- nhảy.	- Đi kiễng gót. - Đi trong đường hẹp, đầu đội túi cát. - Bật tại chỗ. - Bật về phía trước. - Bật xa 20-25cm. - Đi trong đường hẹp. - Bật liên tục về phía trước - Bước lên, xuống bục cao 30cm.	1,3 4 1,2 4 7 2 9 6
3	Trẻ biết kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Trẻ thực hiện được chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	- Đi thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Đi thay đổi hướng theo đường dích dắc. - Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc.	5 6 3,8 7
4	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: - Trẻ có khả năng tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần	- Lăn bóng với cô. - Đập bắt bóng với cô. - Tung bắt bóng với cô.	3 7,8 6

	<p>liền không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m).</p> <p>- Trẻ có khả năng tự đập - bắt bóng được 3 lần liền (đường kính bóng 18cm).</p>	<p>- Chuyển bóng 2 bên theo hàng ngang.</p> <p>- Chuyển bóng 2 bên theo hàng dọc.</p>	<p>8</p> <p>9</p>
5	<p>Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <p>- Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng.</p> <p>- Ném trúng đích ngang (xa 1,5m).</p> <p>- Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.</p>	<p>- Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay</p> <p>- Ném xa bằng 1 tay.</p> <p>- Bò theo hướng thẳng.</p> <p>- Trườn theo hướng thẳng</p> <p>- Bò theo đường đích dốc.</p> <p>- Trườn theo đường đích dốc.</p> <p>- Bò chui qua cổng.</p> <p>- Trườn về phía trước.</p> <p>- Ném xa bằng 2 tay</p> <p>- Ném trúng đích ngang bằng 1 tay</p>	<p>8</p> <p>7</p> <p>1,2</p> <p>2,3</p> <p>3</p> <p>5</p> <p>4</p> <p>6</p> <p>5</p> <p>9</p>
6	<p>Trẻ biết thực hiện được các vận động:</p> <p>- Xoay tròn cổ tay.</p> <p>- Gập, đan ngón tay vào nhau.</p>	<p>- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.</p> <p>- Xoay tròn cổ tay.</p> <p>- Đan, tết.</p> <p>- Xé, dán giấy.</p>	<p>1</p> <p>1</p> <p>5</p> <p>5</p>
7	<p>Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động:</p> <p>- Vẽ được hình tròn theo mẫu.</p> <p>- Cắt thẳng được một đoạn 10 cm.</p> <p>- Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ.</p> <p>- Tự cài, cởi cúc.</p>	<p>- Tô, Vẽ nguệch ngoạc.</p> <p>- Sử dụng kéo, bút.</p> <p>- Xếp chồng các hình khối khác nhau.</p> <p>- Cài, cởi cúc, khâu luồn</p>	<p>1</p> <p>4</p> <p>7</p> <p>8</p>
*Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
8	<p>- Trẻ biết nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh: Thịt, cá, trứng, sữa, rau...)</p>	<p>- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc (rau củ quả gần gũi với địa phương), một số món ăn quen thuộc của dân tộc Thái.</p> <p>- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất, không kén chọn thức ăn.</p> <p>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật(ỉa chảy, sâu răng, suy</p>	<p>2, 6</p>
9	<p>- Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày như: rau, trứng rán, cá kho, canh rau.....</p>	<p>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật(ỉa chảy, sâu răng, suy</p>	<p>1, 5</p>
10	<p>- Biết ăn để chóng lớn, khỏe</p>	<p>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật(ỉa chảy, sâu răng, suy</p>	<p>2</p>

	mạnh, và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	đinh dưỡng, béo phì...)	
11	- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: + Rửa tay, lau mặt, xúc miệng. + Tháo tất, cởi quần áo...	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Tiết kiệm nước	5, 4
12	- Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	5
13	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	9
14	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở. + Chấp nhận: vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. + Phòng chống một số dịch bệnh.	- Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, cách phòng chống bệnh theo mùa.	8 4
15	- Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng (Kỹ năng ứng phó phù hợp với trước, trong và sau thiên tai có ở địa phương)	9
16	- Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, giếng, bể chứa nước, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ - Không đi theo người lạ, không nhận quà của người lạ khi chưa được người lớn cho phép.	8
17	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: + Không cưỡi đũa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Không tự lấy thuốc uống. + Không leo trèo lên bàn ghế, lan can. + Không nghịch các vật sắc nhọn.		3,7

	+ Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp.		
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
* Khám phá khoa học			
18	- Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chú ý quan sát sự vật hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh, mưa lũ, bão, sạt lở, động đất... và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Biết được một số hiện tượng thiên tai sắp xảy ra ở địa phương : Mưa đá, động đất, lốc, hạn hán...)	8
19	- Bước đầu trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc của địa phương - Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.	1, 3 5, 6 2
20	- Trẻ được làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát tìm hiểu đối tượng. VD: Thả các con vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	- Làm thí nghiệm đơn giản: Thả các con vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi, lốc xoáy.....	8
21	- Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như: Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	4, 5, 7
22	- Trẻ có khả năng phân loại các đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi bật.	- Tên đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	7
23	- Trẻ có thể nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.	5, 6, 7
24	- Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Một số dấu hiệu của ngày và đêm. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh	8

		hoạt hằng ngày. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	
25	- Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	1,4,5,7, 9
* Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
26	- Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - Một và nhiều. - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.	2,5,6, 8 1 1
27	- Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.		2,5,6, 8
28	- Trẻ biết cách so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		2,5,6,8
29	- Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm	3, 5, 6, 9
30	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	3, 5, 6, 9
31	- Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ.	4
32	- Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn, bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước: To hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn, bằng nhau.	4,8
33	- Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để chấp ghép.	7

34	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên- phía dưới, phía trước, phía sau, tay phải, tay trái của bản thân.	2
* Khám phá xã hội			
35	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân.	2
36	- Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình(Thôn/bản, xã)	3
37	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình (Thôn/ bản, xã) khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.		
38	- Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo	1
		- Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	1
39	- Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến. Nghề truyền thống của địa phương như: nghề dệt thổ cẩm, đan mây tre, đặc sản địa phương: Gạo tám thơm, sến cù, nhà sàn.	4
40	- Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương (Ngày 7/5, di tích, đền A1, tượng đài chiến thắng...Thành Bản Phủ	1,3,4, 6, 7.
41	- Trẻ kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Đền Hoàng Công Chất)	9
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
* Nghe hiểu lời nói			
42	- Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: " Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ".	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	9
43	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả, đồ dùng, vật dụng gần gũi trong gia đình ở địa phương.	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	1-> 9
44	- Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.	2-> 9

	đổi thoại.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè gần gũi của địa phương phù hợp với độ tuổi. - Tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc	
* Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày			
45	- Trẻ nói rõ các tiếng. Trẻ người dân tộc sử dụng được Tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.	1-> 9
46	- Biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.	- Trả lời và đặt câu hỏi: Ai?; Cái gì?; Ở đâu?; Khi nào? - Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống(nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ)	1, 4, 6
47	- Bước đầu trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	4
48	- Trẻ biết kể lại sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Kể lại sự việc	9
49	- Có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1-> 9
50	- Biết kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.	1 -> 8
51	- Biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	7
52	- Biết sử dụng các từ: “Vâng ạ”, “Dạ”, “Thưa” trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	1-> 4
53	- Biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	5
* Làm quen với việc đọc – viết			
54	- Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...). - Xem và nghe đọc các loại sách khác	5,7,8,9

		nhau. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh, tiếp xúc với chữ, sách truyện và “đọc” truyện. - Làm sách, tranh khổ lớn cùng giáo viên. - Giữ gìn sách	
55	- Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhận vật trong tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện.	7
56	- Trẻ thích vẽ, viết nguệch ngoạc	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt. + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	8, 9
4. Lĩnh vực TC-XH			
* Thể hiện ý thức bản thân			
57	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính, dân tộc.	2
58	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.	3,6
* Thể hiện sự tự tin, tự lực			
59	- Biết mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	2,7
60	- Biết cố gắng hoàn thành công việc đơn giản được giao(chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	- Hoàn thành công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	5,8
* Nhận biết và thể hiện và cảm xúc với con người, SVHTXQ			
61	- Trẻ biết nhận ra cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	2
62	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát; vận động.	4
		- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	9
63	- Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ.	9
64	- Trẻ thích nghe kể chuyện,	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét	9

	nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. - Biết thể hiện cảm xúc về một vài cảnh đẹp thiên nhiên, cuộc sống sinh hoạt, lễ hội của địa phương (Lễ hội Đền Hoàng Công Chất,...)	mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động. - Thể hiện cảm xúc về một vài cảnh đẹp thiên nhiên, cuộc sống sinh hoạt, lễ hội của địa phương (Lễ hội Đền Hoàng Công Chất,...)	
* Hành vi và quy tắc ứng xử XH			
65	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Yên mến bố, mẹ, anh, chị, em, ruột. - Giữ gìn đồ dùng, đồ chơi; - Cất đồ dùng đúng nơi quy định.	1, 3 1, 3
66	- Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Cử chỉ, lời nói lễ phép(chào hỏi, cảm ơn)	1
67	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Chờ đến lượt. - Nhận biết hành vi “ đúng” –“ sai”, “ tốt” – “ xấu”.	4
68	- Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn.	1,7
* Quan tâm đến môi trường			
69	- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối	5, 6
70	- Biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Tiết kiệm điện, nước.	8
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			
*Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp TNCS và các TPNT			
71	- Trẻ biết vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	1-> 9
72	- Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca...)	1->9

	chuyên.		
73	- Trẻ vui sướng, chỉ, sờ ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (màu sắc, hình dáng) của các tác phẩm tạo hình.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	7,9
* Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình			
74	-Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	1-> 9
75	- Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	1-> 9
76	- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình của địa phương để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình của địa phương để tạo ra các sản phẩm	1-> 9
77	- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	1-> 9
78	- Trẻ có kỹ năng xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.		9
79	- Biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.		2, 3
80	- Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.		3
81	- Trẻ nhận xét được các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.	4, 7
* Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật.			
82	- Trẻ vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	1-> 9
83	- Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	1-> 9
84	- Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình	8,9

HIỆU TRƯỞNG

